

MỘT SỐ BIỆN PHÁP DẠY HỌC THƠ HAIKU TRONG CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN 10 TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA

NGUYỄN THỊ MAI ANH*

Ngày nhận bài: 26/07/2016; ngày sửa chữa: 27/07/2016; ngày duyệt đăng: 27/07/2016.

Abstract: Japan has a great history of poetry, and so often the Japanese proudly call their country the “country of poetry”. Haiku is one of the most important forms of traditional poetry of Japan and the most developed cultural aspect of the Land of the Rising Sun. It bears the distinctive Japanese characteristics and is still the favored form of poetry by most of the Japanese population. Studying and teaching Haiku from the cultural perspective provide the key to decode Japanese culture, Haiku, as well as Vietnamese and Chinese Zen culture and literature. It also helps students to have a broader and deeper understanding of culture and literature, heighten their ability to perceive; and reduce the distance in space, time, ideology, and era between the students and the authors. Thereby, students can fully appreciate the beauty of this unique form of poetry.

Keywords: Poetry, Haiku genre, cultural perspective.

Có thể thấy, chương trình Văn học nước ngoài ở trường trung học phổ thông (THPT) được chọn lọc phù hợp với yêu cầu cần đối với phần văn học Việt Nam và có mục đích giúp học sinh (HS) mở rộng tầm hiểu biết về kho tàng tri thức nhân loại. Trong **Ngữ văn 10** có văn học cổ đại Hi Lạp, Ấn Độ, thơ Đường, tiểu thuyết cổ điển Trung Hoa, thơ Haiku Nhật Bản, với các thể loại sử thi, thơ và tiểu thuyết. Song có thể nói, bài học về thơ Haiku vẫn được xem là mới mẻ và khó nhất. Đối với người nước ngoài, việc lĩnh hội thể loại “nghệ thuật ẩn tàng trong cái vẻ không nghệ thuật của Nhật Bản” hoàn toàn không đơn giản. Sáng tác một bài thơ giản dị như thơ Haiku không phải là công việc có thể làm của bất cứ ai, vì nó hàm súc, cô đọng hơn cả thơ Đường của Trung Quốc. Dạy học thơ Haiku lại đòi hỏi cả giáo viên (GV) và HS đều cần có năng lực thẩm văn tốt và một vốn tri thức văn hóa tương đối. Do đó, để đọc hiểu thơ Haiku, tiếp cận văn hóa là một hướng đi có ý nghĩa về phương pháp dạy học.

Bài viết này nêu một số biện pháp dạy học thơ Haiku từ góc nhìn văn hóa.

1. Đọc thơ Haiku để hiểu giá trị văn hóa, chiều sâu tư tưởng, giá trị thẩm mỹ được kết tụ trong mỗi bài thơ

Muốn đọc hiểu văn bản văn học nói chung, thơ Haiku nói riêng, cảm nhận và thưởng thức các giá trị tư tưởng nghệ thuật thì phải học cách đọc. Để hiểu và cảm được thơ Haiku hoàn toàn không đơn giản chút nào bởi lớp trầm tích văn hóa của nó quá dày và thực sự chỉ có một cách là phải lấy toàn bộ con người mình ra để hiểu (vốn sống, tri thức văn hóa, kinh nghiệm nghệ thuật, trực giác, tâm linh,...). Đọc thơ Haiku cần được đọc bằng văn hóa đọc bao gồm cả sự lao động và nghỉ ngơi - để hiểu được giá trị văn hóa, chiều sâu tư tưởng, giá trị thẩm mỹ được kết tụ trong mỗi bài thơ. Ở tất cả các trường hợp, việc đọc cần được cụ thể hóa thành những công đoạn, những thao tác và xét đến

tính mục đích, tính hiệu quả. Tiếp nhận thơ Haiku từ góc độ văn hóa cũng đặt ra cho biện pháp đọc những yêu cầu cụ thể:

1.1. Đọc kĩ để hiểu từ, hiểu câu, hiểu nghĩa bề mặt của văn bản. Để thực sự thưởng thức một bài thơ Haiku hay phải thuộc lòng nó và đọc đi đọc lại nhiều lần. Ở Nhật có nhiều nghệ thuật được thực hành rộng rãi đến mức có thể xem chúng như những thành tố văn hóa dân tộc, trong đó có cặp nghệ thuật song sinh: đọc và viết thơ Haiku. Đây là hai nghệ thuật cổ, đồng thời cũng là hai nghệ thuật hiện đại, ngày nay còn phổ biến hơn cả xưa kia. Là thơ, Haiku có dụng đích biểu đạt và khơi gợi cảm xúc. Và vì ngắn hơn các hình thức khác của thơ, tất nhiên Haiku phải dựa vào năng lực gợi ý. Haiku thường đạt hiệu quả vì không những gợi dậy một tâm tình, mà còn phác họa được bức tranh chân thực được dùng làm khởi điểm cho các dòng suy tưởng và cảm xúc. Thật vậy, mỗi bài thơ Haiku giống như bức tranh mặc hội sumie hết sức thân thiết với tâm tình người Nhật. Do đó, muốn hiểu thơ Haiku phải đọc kĩ để khơi dậy nguồn cảm hứng dào dạt trong mỗi bài thơ: đọc, suy tưởng và ngẫm nghĩ, và không nên phân tích quá tỉ mỉ, chỉ nên thụ cảm bằng trực cảm, tâm tưởng là chính.

Thử đọc kĩ một bài thơ Haiku của Basho: “*Hoa đào như áng mây xa/Chuông đến Uênô vang vọng/Hay đến Asacura*”. Mùa xuân với hoa anh đào khắp chốn. Basho thường dùng từ Hana (chỉ hoa nói chung) như một từ đồng nghĩa, thay thế từ Sakura (chỉ riêng hoa đào). Về sau, hoa anh đào trở thành đồng nghĩa với thế giới loài hoa (Hana) trong tâm thức người Nhật. Kết cấu chân không của bài thơ đem lại sức gợi rất lớn, cảm xúc ẩn mật trong từng câu chữ mà nếu không đọc kĩ, người ta không thể cảm nhận vẻ đẹp mê đắm lòng người của bài thơ. Điều đó cho thấy tại sao tự thân việc đọc Haiku đã

* Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

là một nghệ thuật. Haiku hoàn toàn không phải là bức tranh giản đơn vô nghĩa. Bởi lẽ, nếu tác giả thể hiện đúng mức tác phẩm của mình, bức vẽ sẽ hoàn toàn minh bạch và không có gì cho sự khám phá, đồng sáng tạo của độc giả. Tính chất khó nắm bắt vốn dĩ đã là một trong những hấp dẫn tuyệt vời mà mỗi bài thơ Haiku đem đến cho độc giả, không phải là sự thách đố không thể giải thích được, mà do sự kiện có quá nhiều ý gợi được diễn đạt bằng sự kiệm lời tối đa.

1.2. Đọc sáng tạo để hưởng thụ vẻ đẹp của ngôn từ, hình tượng nghệ thuật, tận hưởng những khoảnh khắc bùng sáng của tâm linh con người chỉ có ở thể thơ đọc đáo Haiku. Theo **Từ điển tiếng Việt**, đọc hiểu là “nhận ra ý nghĩa bản chất, lí lẽ của cái gì, bằng sự vận dụng trí tuệ”. Muốn vậy, chỉ tìm cách giải thích trong phạm vi văn bản thì chưa đủ. Người đọc phải sử dụng cả tri thức về xã hội, lịch sử, văn hóa, lí luận văn học, ngôn ngữ tâm lí... ngoài văn bản mới hiểu được. Đối với thơ Haiku, chúng ta phải đọc trên “phông nền” của văn hóa truyền thống Nhật Bản, quan niệm thẩm mỹ độc đáo của người Nhật, trong sự tìm hiểu về Phật giáo Thiên tông để thấy được sự kết tinh văn hóa, để hiểu những ảnh hưởng hay dấu ấn của nó trong tác phẩm. Đọc Haiku trong sự suy ngẫm về quan niệm sống, cảm thức *sabi*, *wabi*, *yugen*, *aware* về cái đẹp rất riêng của người Nhật. Đọc làm sao để toát lên được thần thái của bài thơ, chất Thiên phiêu du, ẩn mật trong từng câu chữ, sự trang nhã của hình ảnh thơ.

Đọc bài thơ về mưa xuân của Yosa Buson, ta có một cảm giác đặc biệt bởi sự giản dị nhưng đầy sức gợi: “*Dưới mưa xuân lát phát/Áo tôi và ô/Cùng đi*”. Bài thơ chưa đến mười từ, làm sao có thể nhấn lướt, đọc uyển chuyển thay đổi giọng điệu. Do đó, nghệ thuật đọc haicú không phải ở chỗ ngân nga mà phải là đọc chậm, đọc kĩ, đọc diễn cảm trong sự giản dị, tự nhiên. Khi đọc phải giữ cho tâm hồn thanh thản, an nhiên, tự tại để hòa mình vào thiên nhiên.

Mưa được người Nhật ưu ái đặt cho cái tên rất đẹp: Tsuyu hay Baiu (*maivũ*-mưa mai mưa muộn). Mưa Baiu đi liền với màu xanh mướt của cỏ cây, đó không phải là mưa rào, mà là mưa nhẹ, bụi, mưa phùn thậm chí nhẹ hơn có thể gọi là sương mù, hơi ẩm. Con người đi trong mưa hòa mình vào bức tranh xuân. Đây là một trong những bài thơ Buson miêu tả mùa xuân trữ tình nhất, một bài thơ đẹp trong sự giản dị, cái đẹp toát ra từ một cảnh tượng hết sức bình thường của cuộc sống. Chúng ta chỉ có thể cảm nhận vẻ đẹp của nó bằng trực giác, bằng năng lực tiên thiên của con người. Haiku là thơ ca của kinh nghiệm thường ngày, của cảm thức thẩm mỹ và trực giác tâm linh. Ta có cảm giác rằng, dưới cơn mưa xuân trong trẻo ấy, cuộc sống dường như mới bắt đầu: thật bình yên, thật lãng mạn. Lời thơ vang lên như những thanh âm trong trẻo của cuộc sống tươi đẹp này. Chỉ có thể cảm nhận được thi vị của bài thơ khi ta đọc

đi đọc lại nhiều lần để những thanh âm trong trẻo ấy vang lên trong tâm hồn chúng ta.

Đọc có sự hưởng thụ là một hoạt động bao hàm tư duy phân tích và sự bộc lộ ngữ cảm trong diễn đạt văn chương. Do đó, tình cảm thẩm mỹ gợi nên ở đây rất sâu sắc, bởi đó là sự rung động thực sự của một người hòa trong tiếng tri âm của mọi người. Đọc trong sự yêu thích, đọc trong nỗi rung động của tình cảm cá nhân là một biểu hiện sâu sắc của văn hóa đọc.

2. Cắt nghĩa từ (quý đề, quý ngữ), câu, hình ảnh... để hiểu được sự độc đáo của mỗi bài thơ, nắm được thi pháp thơ Haiku

Thuật ngữ “cắt nghĩa” theo nghĩa gốc Latinh là giải thích có suy nghĩ. Cắt nghĩa là điều kiện quan trọng để góp phần điều chỉnh sự lĩnh hội tri thức trong dạy học văn cho có hiệu quả. Đây là biện pháp cần thiết cho việc dạy học thơ Haiku. Một bài thơ được cấu tạo theo mô hình: chính đề, phản đề, hợp đề. Như thế Haiku không thể chỉ là ba câu thơ bình thường mà phải có ý nghĩa triết lí sâu xa. Logic của Haiku không phải là sự tiếp nối bình thường giữa những câu thơ mà phải là sự liên kết nội tại và biện chứng của các ý thơ. Quá trình cắt nghĩa chính là làm cho ý nghĩa của từ ngữ, của câu, ý nghĩa của hình ảnh nổi bật trong văn bản, làm sáng tỏ hình tượng. Cả bài thơ Haiku chỉ vắn vắn một câu thơ chia làm ba dòng, thường có một dấu hiệu ngữ pháp chung do đặc điểm của ngôn ngữ Nhật Bản quy định. Trong cách nói của người Nhật, đại từ chỉ người thường bị bỏ đi, hoặc là chủ ngữ của một câu thường được kể đến hay không lệ thuộc hoàn toàn vào hoàn cảnh. Nói cách khác, ngôn ngữ tiếng Nhật nhấn mạnh vào ngôn ngữ nói hơn là ngôn ngữ viết. Một cách khái quát hơn, người ta cho rằng: “văn hóa Nhật Bản nói chung không nhấn mạnh nhiều vào giá trị rộng lớn của những lời nói được viết ra”. Do vậy, người ta yêu thích các hình thức văn học ngắn gọn, ở những cách miêu tả ngắn gọn, súc tích những đối tượng và tư tưởng riêng biệt. Đây là cách giải thích ưa thích của người Nhật về các hình thức thơ ca như *tanka* và Haiku của Basho, vắn xuôi như những “truyện viết trong lòng bàn tay” của Kawabata trong đó người viết thể hiện những nhận thức của anh ta chỉ trong ít từ. Những lời nói “không trọn vẹn” như Haiku thường dành khá nhiều chỗ trống cho sự liên tưởng, tưởng tượng của người đọc cũng giống như khoảng không dư bạch trong những bức tranh thủy mặc vốn rất thiết thân với tâm tình Nhật.

Tuy nhiên, đối với thao tác cắt nghĩa trong dạy học thơ Haiku thì việc cắt nghĩa từ và hình ảnh đóng vai trò hết sức quan trọng. Đọc hiểu bài thơ Haiku nào cũng cần tìm quý ngữ của nó. Haiku không dùng những mỹ từ như thơ Đường. Trong thơ Đường, cổ bao giờ cũng là cổ thơm (“*Phương*

thảo liên thiên bích”, “*Phương thảo thê thê Anh Vũ châu*”), dù không có ý nhấn mạnh mùi thơm của cỏ. Mục đích của việc dùng mỹ từ trong thơ Đường là để cho câu thơ thêm trang trọng, đài các. Mục đích của việc sử dụng quý thể, quý ngữ trong thơ Haiku là để cho câu thơ trang nhã, giản dị, tự nhiên nhi nhĩ, để nhắc cho người ta chú ý đến tinh thần tôn thờ vẻ đẹp tự nhiên và những quan niệm thẩm mỹ cực kỳ độc đáo của người Nhật, sắc điệu *sabi*, *wabi*, *yugen*, *aware*. Những quý ngữ biểu thị mùa (chim đỗ quyên, hoa anh đào, mưa, làn sương thu, tiếng ve kêu,...) đã “vòn” phong cho bức vẽ đưa bài thơ vào tâm tưởng người đọc. Như vậy, hoạt động cắt nghĩa đòi hỏi tri thức, xúc cảm và cả sự tưởng tượng. Tác phẩm văn học với những khoảng bỏ vắng, sự im lặng nghệ thuật luôn luôn thử thách sự nhạy cảm và khả năng tưởng tượng của người tiếp nhận. Hơn nữa, với mục đích tiếp nhận thơ Haiku dưới góc nhìn văn hóa, việc cắt nghĩa luôn hướng tới những vấn đề văn hóa như quan niệm thẩm mỹ của người Nhật, vị Thiên, thiền tính trong thơ Haiku...

Bài học về thơ Haiku là một bài khó đọc và khó dạy, bởi chỉ trong 2 tiết trên lớp, người GV cần phải dẫn dắt HS đi từ đặc điểm chung của thể thơ và văn hóa Nhật Bản cho đến việc đọc hiểu từng bài thơ và ngược lại, đọc hiểu từng bài thơ để rút ra những đặc trưng thi pháp thể loại. Vấn đề là làm sao cho các em hiểu tại sao thơ Haiku lại nổi tiếng khắp thế giới như vậy trong khi thơ lục bát của Việt Nam chúng ta không vượt được qua “lũy tre xanh”, thơ Đường của Trung Quốc chỉ phổ biến ở khu vực châu Á? Biện pháp tích cực mà chúng tôi đề xuất thêm ở đây là sử dụng các câu hỏi nêu vấn đề để dẫn dắt HS bước vào thế giới nghệ thuật thơ Haiku.

3. Chú giải sâu để hiểu được tâm hồn Nhật Bản, mỹ học và triết lý Thiên tông, từ đó hiểu được cách nhìn, cách cảm nhận thế giới xung quanh và con người của tác giả

Chú giải sâu là “cách làm sáng tỏ một khái niệm, một phạm trù lạ bị che đậy hoặc ẩn tàng dưới một hình thức ngôn ngữ bác học hoặc ngôn ngữ lịch sử để biến chúng thành cụ thể, dễ hiểu và đặt chúng trong mối quan hệ với một bộ phận hoặc toàn bộ văn bản để thấy được ý nghĩa, tác dụng của chúng trong toàn bộ văn bản” [1; tr 95]. Việc chú giải sâu bao gồm:

- *Chú giải từ*: là làm cho từ ngữ đó được hiểu một cách rõ ràng, hay nói cách khác, phải làm cho HS hiểu từ và thông ngữ, hiểu câu thơ trước đã rồi từ đó mới có cơ sở để cảm thụ văn chương. Chẳng hạn, khi tiếp cận bài thơ của Buson: “*Gần xa đâu đây/Nghe tiếng nước chảy/Lá non tràn đầy*”. Quý ngữ của bài là “lá non”, chỉ cần giải thích đó là hình ảnh tượng trưng cho mùa xuân, cho sức sống mới của cây lá trước sự biến chuyển của thời tiết. Nhưng từ mà chúng ta cần chú giải sâu ở đây lại là

“tiếng thác”. Theo **Từ điển tiếng Việt**, thác là chỗ nước chảy vượt qua vách đá cao nằm chắn ngang lòng sông, lòng suối; là biểu tượng của sức mạnh, tiếng gọi của mùa xuân. Thác luôn chuyển động còn núi thì tĩnh tại, do đó, đối lập nhau. Thác trở thành motif chủ chốt trong hội họa phong cảnh của Trung Hoa, Nhật Bản. Thác cũng là hình ảnh quen thuộc ở những khu vườn cảnh Teien. Tiếng vang của thác nước hay tiếng róc rách của những dòng suối nhỏ mang lại cho ta cảm giác thanh bình không kém tiếng chuông ngân của những ngôi chùa cổ. Như vậy, hình ảnh thác cũng là một “mã văn hóa” giúp chúng ta hiểu sâu hơn về bài thơ này.

- *Chú giải điển cố*: Hầu hết những bài thơ Haiku của Basho đều xuất phát từ một điển tích hay trong một hoàn cảnh cụ thể nào đó. Điển tích không chỉ giữ vai trò làm phong nền mà còn tạo nên tính hàm súc của bài thơ. Chỉ có điều, nếu hàm súc của thơ Đường dựa trên sự suy lí, thì sự hàm súc của thơ Haiku dựa trên những cảm xúc nghệ thuật. Vì vậy, dạy thơ Haiku, chú giải điển tích là rất quan trọng.

4. So sánh văn học để tìm ra đặc trưng thi pháp thơ Haiku, bản sắc văn hóa Nhật Bản, những nét riêng trong phong cách nhà thơ, vẻ đẹp riêng của từng bài thơ, những điểm gặp gỡ về tư tưởng của những nhà thơ bậc thầy trên thế giới; từ đó nâng cao tầm văn hóa, tầm đón nhận của HS.

Để so sánh, cả GV và HS phải có vốn tri thức rộng về văn chương. Tuy vậy cần nhớ so sánh cốt là để làm nổi bật cái hay, cái đẹp của tác phẩm được phân tích chứ không phải để phê tương kiến thức lan man, mất trọng tâm. Những liên hệ so sánh hay là những so sánh khiến người đọc cảm thấy rất tự nhiên mà vấn đề lại nổi bật được các góc cạnh và màu sắc của nó. Dạy thơ Haiku, GV có thể sử dụng biện pháp so sánh trên nhiều bình diện khác nhau: - So sánh trên phạm vi thơ Haiku, văn học, văn hóa Nhật Bản; - So sánh Haiku với thi ca của những nền văn học khác trong khu vực để tìm ra sự độc đáo của thể thơ Haiku và văn hóa Nhật Bản, sự gặp gỡ trong tư tưởng của những bậc thầy văn chương thế giới. So sánh thơ Haiku với thơ Đường Trung Quốc, thơ lục bát Việt Nam ở cấp độ hình thức thể loại như số lượng câu chữ, từ ngữ, hình ảnh, tứ thơ...; so sánh để rút ra sự tương đồng và khác biệt trong tư tưởng thẩm mỹ, nếp sống, nếp nghĩ, thi pháp sáng tác.

Định hướng dạy học tác phẩm văn học, nhất là những tác phẩm văn học nước ngoài từ góc nhìn văn hóa theo xu hướng tích hợp nhằm phát triển năng lực cho HS là hướng đi mới mẻ trong dạy học Ngữ văn. Nó cung cấp nhiều khía cạnh để khai thác và tránh được cách hiểu gò ép, khiến cứng trong tiếp nhận đồng thời rút ngắn được khoảng

(Xem tiếp trang 277)

năng nghề nghiệp sau này. Tuy nhiên, GDTN cũng không thể tách rời giáo dục truyền thống, không thể tách rời vai trò quan trọng của người dạy - người tổ chức, hướng dẫn - đối với quá trình học tập, rèn luyện các nội dung NVSP. Vì vậy, trong quá trình thực hiện, giảng viên cần căn cứ vào đối tượng SV, cơ sở vật chất dạy học, các trường tiểu học cụ thể để vận dụng nhằm tạo ra những thay đổi cơ bản trong chất lượng đào tạo, rèn luyện kĩ năng nghề cho SV, đáp ứng với sự thay đổi và phát triển không ngừng của giáo dục hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Trung tâm hỗ trợ giáo dục thanh thiếu niên Việt Nam - trực thuộc Trung ương Hội khuyến học Việt Nam (2011). *Giáo dục trải nghiệm phương pháp luận 4T*.
 [2] Dự án giáo dục môi trường Hà Nội (2006). *Học mà chơi – Chơi mà học, Tổ chức con người và thiên nhiên*.
 [3] Dương Trọng Tấn (2014). *Học tập qua trải nghiệm và vai trò của người dạy*. Dự án công nghệ giáo dục.
 [4] David A. Kolb (2011). *Experiential Learning. Experience as the Source of Learning and Development*, Prentice Hall PTR.
 [5] Dương Giáng Thiên Hương (chủ biên) (2013). *Giáo trình Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học*. NXB Đại học Sư phạm.

Một số biện pháp dạy học...

(Tiếp theo trang 254)

cách tiếp nhận giữa tác phẩm và độc giả HS. Rất nhiều các phương diện văn hóa cần thiết và bổ ích mà HS có thể thấu nhận làm giàu cho kiến văn của mình. Đặc biệt, có thể áp dụng những phương pháp dạy học tích cực như phương pháp đọc hiểu, phương pháp nêu và giải quyết vấn đề, phương pháp tự học, phương pháp dạy học dự án,... để giúp HS thụ cảm một thể loại thơ với hình thức cực tiểu, kết cấu chân không, vẻ đẹp vô ngôn thấm đẫm tinh thần văn hóa Nhật Bản nói riêng, văn hóa phương Đông nói chung. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thị Thanh Hương (2006). *Để dạy và học tốt tác phẩm văn chương (phần trung đại) ở trường phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.
 [2] Nguyễn Thanh Hùng (2002). *Đọc và tiếp nhận văn chương*. NXB Giáo dục.
 [3] Nguyễn Thị Khánh (1998). *Văn học Nhật Bản*. NXB Thông tin Khoa học xã hội.
 [4] *Thơ Haiku Nhật Bản* (Thái Bá Tân dịch) (2013). NXB Lao động.
 [5] Ueda Makoto (2016) Matsuo Basho - Bạc đãi sư thơ Haiku. NXB Hồng Đức.

Hình thành năng lực dạy học...

(Tiếp theo trang 164)

nhệm vụ học tập. Việc thu thập, hệ thống hóa và lựa chọn các tài liệu cho SV tự nghiên cứu là một việc làm cần thiết, đòi hỏi tinh đồng bộ. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần khuyến khích SV thực hiện tự nghiên cứu, viết tiểu luận, viết bài báo, đề tài nghiên cứu khoa học,... thông qua việc nghiên cứu các sách và tài liệu tham khảo. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Trương Đại Đức (2011). *Bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên thực hành các trường dạy nghề khu vực miền núi phía Bắc*. Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Thái Nguyên.
 [2] Fung - Wenson Wen-Yuan (2015). *Working Memory Components as Predictors of Word Problem Solving: Does Rapid Automatized Naming Speed Mediate the Relationship*. Ph.D., Education UC Riverside.
 [3] Nguyễn Bá Kim (2007). *Phương pháp dạy học môn Toán*. NXB Đại học Sư phạm.
 [4] Vũ Dương Thụy - Đỗ Trung Hiệu (1996). *Các phương pháp giải toán ở tiểu học* (tập 1, tập 2). NXB Giáo dục.
 [5] Phạm Đình Thực (2016). *Một số vấn đề suy luận nghiên cứu trong môn Toán ở tiểu học*. NXB Giáo dục Việt Nam.

Sử dụng câu hỏi trong dạy học...

(Tiếp theo trang 167)

mỗi bước chỉ rõ các nút được đưa vào OPEN, nút không được đưa vào OPEN và nút đã được đưa vào OPEN rồi được lấy ra.

Để giúp SV chủ động, tích cực và có thể cá biệt hóa, nhận được thông tin ngược thông qua các câu hỏi hợp lí, việc đặt câu hỏi giảng viên cần căn cứ vào nội dung và tiến trình bài giảng, chú trọng tới trình độ nhận thức của các em. Trong nhiều trường hợp, hệ thống câu hỏi hợp lí sẽ tạo hứng thú cho SV và đạt hiệu quả cao trong dạy học. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Phan Trọng Ngộ (2005). *Phương pháp dạy học trong nhà trường*. NXB Đại học Sư phạm.
 [2] Nguyễn Minh Hiển (2001). *Các giải pháp chủ yếu để phát triển giáo dục đại học*. Tạp chí Giáo dục số 16, tr 1-4.
 [3] Khánh Dương (2001). *Câu hỏi và việc phân loại câu hỏi trong dạy học*. Tạp chí Giáo dục, số 16, tr 25-26.
 [4] Nguyễn Thanh Thủy (1999). *Trí tuệ nhân tạo*. NXB Giáo dục
 [5] Elaine Rich - Kevin Knight (1991). *Artificial Intelligence*. McGraw - Hill, Inc.